

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHSP TĐTT HÀ NỘI**



SỔ TAY HỌC VIÊN

NĂM HỌC 2024 – 2025
(SỬ DỤNG CHO KHÓA CAO HỌC 12)

HÀ NỘI - NĂM 2024

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU	1
PHẦN 1. THÔNG TIN VỀ TRƯỜNG	2
<i>1.1. Lịch sử hình thành và phát triển Nhà trường</i>	<i>2</i>
<i>1.2. Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục</i>	<i>3</i>
1.2.1. Sứ mạng	3
1.2.2. Tầm nhìn	4
1.2.3. Giá trị cốt lõi	4
1.2.4. Triết lý giáo dục	4
<i>1.3. Giới thiệu Khoa đào tạo sau đại học</i>	<i>4</i>
PHẦN 2. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	6
<i>2.1. Kiến thức</i>	<i>6</i>
<i>2.2. Kỹ năng</i>	<i>6</i>
<i>2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm</i>	<i>7</i>
PHẦN 3. KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO	8
PHẦN 4. MÔ TẢ TÓM TẮT CÁC HỌC PHẦN	9
<i>4.1. Mô tả tóm tắt các học phần trong chương trình đào tạo</i>	<i>9</i>
<i>4.2. Phương pháp giảng dạy và học tập</i>	<i>14</i>
<i>4.3. Phương pháp kiểm tra đánh giá</i>	<i>16</i>
PHẦN 5. QUY ĐỊNH VỀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ	17

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Bộ GD&ĐT	- Bộ Giáo dục và Đào tạo
----------	--------------------------

CTĐT	- Chương trình đào tạo
------	------------------------

ĐHSP	- Đại học sư phạm
------	-------------------

TDTT	- Thể dục thể thao
------	--------------------

GDTC	- Giáo dục thể chất
------	---------------------

NCKH	- Nghiên cứu khoa học
------	-----------------------

GDQP&AN	- Giáo dục quốc phòng và an ninh
---------	----------------------------------

LỜI GIỚI THIỆU

Trường Đại học Sư phạm Thể dục thể thao Hà Nội có chức năng đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, huấn luyện viên Thể dục thể thao (TDTT) trình độ đại học và sau đại học và các trình độ khác; Nghiên cứu và ứng dụng khoa học giáo dục thể chất; Đào tạo kiến thức quốc phòng và an ninh cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng khu vực Hà Nội.

Theo Quyết định số 585/QĐ-BGDĐT ngày 07/02/2013, Trường Đại học sư phạm Thể dục thể thao Hà Nội được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao nhiệm vụ đào tạo chuyên ngành Giáo dục thể chất trình độ thạc sĩ. Đến tháng 3/2018, theo Quyết định số 800/QĐ- BGDDĐT ngày 12/3/2018, chuyển đổi tên ngành đào tạo thạc sĩ là ngành Giáo dục học.

Hình thức đào tạo ngành Giáo dục học của Nhà trường theo quy chế đào tạo tín chỉ, áp dụng từ năm học 2018 - 2019. Để hoàn thành tốt việc học tập tại Trường, ngoài việc nhận được sự hướng dẫn từ Khoa đào tạo Sau đại học, giảng viên và các phòng chức năng, mỗi học viên cần biết thông tin về chương trình đào tạo, Quy chế, quy định đào tạo, kế hoạch đào tạo toàn khóa, ... Do đó, cuốn “*Sổ tay học viên*” được coi là cẩm nang cung cấp cho học viên từ đầu khóa học những thông tin cần thiết về ngành đào tạo.

Sổ tay bao gồm các nội dung:

- Giới thiệu về Trường ĐHSPTT Thể dục thể thao Hà Nội
- Chương trình đào tạo ngành Giáo dục học
- Các quy chế, quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ

Tôi tin tưởng rằng các bạn học viên sẽ coi cuốn sổ tay này như một người bạn đồng hành của mình và sử dụng nó một cách hiệu quả nhất trong quá trình học tập, nghiên cứu tại Trường.

Chúc các học viên học tập thành công!

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Duy Quyết

PHẦN 1 - THÔNG TIN VỀ TRƯỜNG

1.1. Lịch sử hình thành và phát triển Nhà trường

Trường Đại học sư phạm TDTT Hà Nội, tiền thân là trường TDTT, thuộc Bộ Giáo dục, được thành lập ngày 27/02/1961 (tại Quyết định số: 99/QĐ, ngày 27/02/1961 do Bộ trưởng Bộ Giáo dục Nguyễn Văn Huyền, ký quyết định).

Trải qua hơn nửa thế kỷ, Trường đã có nhiều lần được thay đổi tên gọi cho phù hợp với tình hình nhiệm vụ. Ngày 04/11/1961, Trường TDTT được đổi tên thành: Trường Trung cấp TDTT (Tại Quyết định số: 790/QĐ của Bộ trưởng Bộ Giáo dục Nguyễn Văn Huyền ký Quyết định). Đầu năm 1967: Bộ Giáo dục có Quyết định số 102/QĐ, ngày 03/4/1967 do Bộ trưởng Bộ Giáo dục Nguyễn Văn Huyền, ký quyết định thành Trường Sư phạm Trung cấp TDTT, sau đổi tên thành: Trường Sư phạm Thể dục Trung Ương.

Năm 1968: Bộ Giáo dục có quyết định thành lập tại Trường Sư phạm Thể dục Trung Ương lớp Âm nhạc (Tại Quyết định số 191/QĐ, ngày 06/6/1968, do Thứ trưởng Lê Liêm, ký Quyết định).

Năm 1970: Bộ Giáo dục có Quyết định số: 164/QĐ, ngày 07/3/1970, do Thứ trưởng Võ Thuận Nho, ký Quyết định v/v thành lập phân hiệu Hệ sư phạm Hóa và thành lập phân hiệu Hệ sư phạm Nhạc, đặt trong hệ của Trường Sư phạm Thể dục Trung Ương.

Sau khi Trường có thêm 02 phân hiệu Hệ Sư phạm Nhạc và Hệ Sư phạm Hóa. Cuối năm 1971: Bộ Giáo dục có Quyết định số 1499/QĐ, ngày 27/12/1971, do Thứ trưởng Lê Liêm, ký Quyết định đổi tên Trường Sư phạm Thể dục Trung Ương thành: Trường Sư phạm Thể dục - Nhạc - Hóa Trung Ương.

Đến năm 1972: Bộ Giáo dục có Quyết định số 731/QĐ, ngày 18/10/1972, do Thứ trưởng Lê Liêm, ký chia tách Trường Sư phạm Thể dục, Nhạc, Hóa Trung Ương thành 02 trường: đó là Trường sư phạm Thể dục Trung Ương và Trường sư phạm Nhạc, Hóa Trung Ương.

Đến năm 1973: Bộ Giáo dục có Quyết định số: 209/QĐ, ngày 31/3/1973 do Bộ trưởng Bộ Giáo dục Nguyễn Văn Huyền, ký quyết định hủy bỏ quyết định số 731/QĐ, ngày 18/10/1972 v/v chia tách Trường Sư phạm Thể dục - Nhạc - Hóa Trung Ương thành 02 trường nói trên, trở lại thành một trường theo tên gọi cũ là: Trường Sư phạm Thể dục-Nhạc-Hóa Trung ương.

Đầu năm 1981: Trường Sư phạm Thể dục - Nhạc - Họa Trung Ương, được nâng cấp và đổi tên thành: Trường Cao đẳng sư phạm Thể dục - Nhạc - Họa Trung ương.

Năm 1985, tại QĐ số: 261/HĐBT, ngày 07/11/1985 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) do Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Tố Hữu, ký quyết định chia tách Trường Cao đẳng sư phạm Thể dục - Nhạc - Họa Trung Ương thành 02 trường, đó là: Trường Cao đẳng Sư phạm Thể dục Trung Ương số 1 và Trường Cao đẳng Sư phạm Nhạc - Họa Trung ương.

Năm 2003, tại Quyết định số: 83/QĐ-TTg, ngày 05/5/2003 do Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Gia Khiêm, ký quyết định nâng cấp và đổi tên Trường Cao đẳng sư phạm Thể dục Trung Ương số 1 thành Trường ĐHSP TDTT Hà Tây.

Năm 2008, tại Quyết định số: 1647/QĐ-TTg, ngày 14/11/2008 do Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Thiện Nhân, ký quyết định đổi tên Trường ĐHSP TDTT Hà Tây thành Trường ĐHSP TDTT Hà Nội.

Năm 2013, theo Quyết định số 585/QĐ-BGDĐT ngày 07/02/2013, Trường Đại học sư phạm Thể dục thể thao Hà Nội được Bộ GD&ĐT giao nhiệm vụ đào tạo chuyên ngành Giáo dục thể chất trình độ thạc sĩ và được đổi tên là Ngành Giáo dục học năm 2018. Năm 2021, trường được Bộ GD&ĐT giao nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ.

Trải qua gần 60 năm xây dựng và phát triển, chặng đường nửa thế kỷ Trường đã đạt nhiều thành tích xuất sắc về đào tạo, nghiên cứu và ứng dụng khoa học kỹ thuật trong TDTT. Trường luôn khẳng định vị thế của mình, tiên phong trong đổi mới phương pháp giảng dạy đào tạo giáo viên Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng và An ninh (GDQP&AN), trở thành một trong những cơ sở đào tạo và nghiên cứu có uy tín.

Trường cũng đã vinh dự được nhận Huân chương Lao động Hạng nhất (năm 2006), Huân chương Lao động Hạng Nhì (năm 2001), Huân Chương Độc lập Hạng Ba (năm 2016), và nhiều bằng khen của Thủ tướng chính phủ, Bộ GD&ĐT và các bộ ngành khác.

1.2. Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục

1.2.1. Sứ mạng

Trường Đại học sư phạm TDTT Hà Nội có sứ mạng: Đào tạo, bồi dưỡng giáo viên Giáo dục thể chất (GDTC), giáo dục quốc phòng và an ninh (GDQP&AN) trình độ đại học, sau đại học; nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển thể chất, nâng cao sức khỏe, bồi dưỡng tài năng thể dục thể thao và

GDQP&AN cho học sinh, sinh viên; hướng tới cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

1.2.2. Tầm nhìn

Đến năm 2030 trở thành trường đại học trọng điểm về đào tạo giáo viên GDTC, GDQP&AN; là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng tài năng trẻ TDTT; nghiên cứu khoa học về lĩnh vực GDTC, TDTT, GDQP&AN; nơi tập trung các chuyên gia, giảng viên trình độ cao, có các chương trình đào tạo liên kết quốc tế có uy tín, có cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại với các dịch vụ chất lượng cao.

1.2.3. Giá trị cốt lõi: Chất lượng - Hiệu quả - Phát triển bền vững.

1.2.4. Triết lý giáo dục: Cùng nhau kiến tạo cơ hội.

1.3. Giới thiệu Khoa Đào tạo sau đại học

Khoa Đào tạo sau đại học là đơn vị thuộc Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội. Năm 2009, Khoa thành lập với tên gọi Khoa tại chức và sau đại học. Năm 2011, Khoa được đổi tên thành phòng Đào tạo sau đại học và Hợp tác quốc tế. Năm 2015 đến nay, Khoa được đổi tên thành Khoa đào tạo sau đại học.

Khoa Đào tạo sau đại học có chức năng tham mưu, giúp Hiệu trưởng thực hiện công tác đào tạo trình độ sau đại học; công tác nghiên cứu khoa học và các hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng. Hiện Khoa đang thực hiện đảm nhiệm đào tạo chương trình ngành Giáo dục học trình độ thạc sĩ; Khoa có mối quan hệ hợp tác với nhiều trường đại học trong nước và quốc tế, hằng năm tham mưu cho Nhà trường thực hiện các thỏa thuận hợp tác ký kết nhiều chương trình về hoạt động trao đổi hợp tác nghiên cứu khoa học. Trải qua quá trình xây dựng và phát triển, đơn vị liên tục được công nhận tập thể lao động xuất sắc, Bằng khen của Bộ GD&ĐT; nhiều năm liền được Hiệu trưởng tặng Giấy khen có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

Cơ cấu tổ chức khoa đào tạo sau đại học năm học 2023- 2024

TT	Họ tên	Chức vụ	Số ĐT liên hệ	Ghi chú
1	TS. Đỗ Mạnh Hưng	Trưởng khoa	0904171689	
2	TS. Lê Thanh	Giảng viên	0987394148	
3	Ths. Phạm Thị Linh	Chuyên viên	0395555828	
4	Ths. Phùng Xuân Trường	Chuyên viên	0912154187	
5	TS. Phùng Mạnh Cường	Giảng viên	0945676519	

6	TS. Nguyễn Khắc Dược	Giảng viên	0904266882	
7	Ths. Trương Công Đức	Giảng viên	0936643082	

PHẦN 2 – CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Kiến thức

2.2.1. Kiến thức

- PLO1: Áp dụng kiến thức cơ bản Triết học Mác Lênin về thế giới quan khoa học, phương pháp luận khoa học, phương pháp tư duy logic vào phân tích và giải quyết các vấn đề kinh tế-xã hội trong thực tiễn.

- PLO2: Phân tích và đánh giá các kiến thức nâng cao về lý luận, y sinh học, tâm lý, giáo dục, tổ chức quản lý, giảng dạy, huấn luyện, nghiên cứu khoa học, phương pháp đo lường tiên tiến và vận dụng sáng tạo các kiến thức này vào thực tiễn trong lĩnh vực Giáo dục thể chất và Thể dục thể thao.

- PLO3: Vận dụng các kiến thức về kinh tế, xã hội học thể thao, thể thao và giải trí, vào phân tích, đánh giá quản trị, quản lý và phát triển thể dục thể thao cho mọi người.

- PLO4: Tổng hợp kiến thức lý thuyết chuyên sâu chuyên ngành về hoạt động nghề nghiệp trong lĩnh vực Giáo dục thể chất, TDTT và các lĩnh vực khoa học khác có liên quan.

2.2. Kỹ năng

- PLO5: Khả năng giảng dạy, huấn luyện theo phương pháp hiện đại nhằm trang bị kiến thức cho người học; phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu thể thao tại các cơ sở giáo dục, đào tạo và huấn luyện vận động viên TDTT.

- PLO6: Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin công việc phức tạp trong hoạt động Giáo dục thể chất và TDTT để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học.

- PLO7: Kỹ năng tổ chức, thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học về lĩnh vực Giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao.

- PLO8: Kỹ năng phân tích các dữ liệu trong kiểm tra sư phạm, kiểm tra y sinh học nhằm đánh giá mức độ phát triển thể chất, trình độ tập luyện và lượng vận động trong hoạt động giáo dục thể chất và Thể dục thể thao.

- PLO9: Khả năng tổ chức, lập kế hoạch, quản lý, tiếp thị, truyền thông trong lĩnh vực Giáo dục thể chất và Thể dục thể thao.

- PLO10: Khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc nhóm để giải quyết công việc hiệu quả công việc, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tư duy để giải quyết tốt các vấn đề trong thực tiễn.

- PLO11: Khả năng sử dụng ngoại ngữ để trao đổi học thuật và đọc tài liệu, đạt trình độ ngoại ngữ bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam.

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- PLO12: Năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề trong hoạt động nghề nghiệp và đề xuất những sáng kiến có giá trị trong thực tiễn.

- PLO13: Khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao và năng lực dẫn dắt chuyên môn cho người khác.

- PLO14: Khả năng đưa ra những kết luận mang tính định hướng về các vấn đề của hoạt động nghề nghiệp; bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn.

- PLO15: Khả năng xây dựng, thẩm định kế hoạch; có năng lực phát huy trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động chuyên môn; có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao.

- PLO16: Có bản lĩnh nghề nghiệp và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, có ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật; có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học, trách nhiệm trong công việc được giao.

PHẦN 3. KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số HP	Số giờ	Học kỳ			
						Học kỳ 1	Học kỳ 2	Học kỳ 3	Học kỳ 4
1. Kiến thức chung									
1	TCTH801	Triết học	04	1	60	60			
2	TCTA802	Tiếng Anh	06	2	90	45	45		
2. Kiến thức ngành									
2.1. Các học phần bắt buộc									
1	SLTT803	Sinh lý học TDDT	04	1	60		60		
2	YHTT804	Y học TDDT	03	1	45			45	
3	LLTT805	Lý luận và phương pháp GDTC	04	1	60		60		
4	NCKH806	Phương pháp NCKH TDDT	03	1	45	45			
5	DLTT807	Đo lường thể thao	03	1	45	45			
6	TTTH808	Thể thao trường học	02	1	30		30		
2.2. Các học phần tự chọn: (chọn 6/10)									
1	TCTT809	Tuyển chọn thể thao	02	1	30				30
2	HLTT810	Phương pháp huấn luyện thể thao	02	1	30			30	
3	TLTT811	Tâm lý học TDDT	02	1	30			30	
4	GDDT812	Giáo dục học TDDT	02	1	30				30
5	QLTT813	Quản lý TDDT trường học	02	1	30				30
6	XHTT814	Xã hội học TDDT	02	1	30		30		
7	KTHT815	Kinh tế học TDDT	02	1	30				30
8	TTGT816	Thể thao giải trí	02	1	30			30	
9	HPTT817	Hồi phục thể thao	02	1	30				30
10	TTTT818	Truyền thông thể thao	02	1	30		30		
3. Kiến thức chuyên ngành (chọn 1/4 chuyên ngành: Thể thao trường học; Huấn luyện thể thao; Y sinh học thể thao; Quản lý TDDT)									
1	TCCN819	Chuyên ngành 1	4	1	60		60		
2		Chuyên ngành 2	4	1	60			60	
3		Chuyên ngành 3	4	1	60				60
4. Luận văn thạc sĩ			15		225	45	60	60	60
	Tổng		68						

PHẦN 4. MÔ TẢ TÓM TẮT CÁC HỌC PHẦN

4.1. Mô tả tóm tắt các học phần trong chương trình đào tạo

4.1.1. Triết học

Môn học trang bị cho học viên những kiến thức về thế giới quan và nhân sinh quan triết học, trải dài theo khắp lịch sử triết học từ thời kỳ cổ đại, trung đại, cận đại cả phương Đông, phương Tây, cho tới triết học Mác - Lênin và những quan điểm hiện đại ngày nay về sự gắn bó giữa triết học với đời sống và với các khoa học xã hội khác. Trong đó trọng tâm là các vấn đề về bản thể luận và nhận thức luận; về tồn tại xã hội và ý thức xã hội; về phép biện chứng; học thuyết hình thái kinh tế - xã hội; về học thuyết chính trị. Giúp học viên có cách nhìn khách quan, khoa học về thế giới, về xã hội và về con người trên cơ sở hiểu biết về các quy luật khách quan của tự nhiên, xã hội và tư duy. Từ đó, biết vận dụng vào trong thực tiễn công tác nghiên cứu của mình.

4.1.2. Tiếng Anh

Cung cấp kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh dành cho học viên. Nội dung gồm các chủ đề về khoa học, học thuật, về cuộc sống thường nhật. Giúp cho học viên phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết thông qua các bài tập tình huống (tasks) trên nền các chủ đề đó. Ngoài ra cũng bổ sung các kiến thức ngữ pháp, ngữ âm và từ vựng cần thiết giúp cho người học thực hành và phát triển khả năng ngôn ngữ. Trang bị cho học viên năng lực tiếng Anh (nghe, nói, đọc, viết) đạt trình độ tương đương bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

4.1.3. Sinh lý học Thể dục Thể thao

Môn học cung cấp cho học viên những kiến thức nâng cao và mở rộng trong lĩnh vực sinh lý học thể dục thể thao về đặc điểm biến đổi sinh lý lứa tuổi, hệ vận chuyển oxy, hệ cung cấp năng lượng trong hoạt động thể lực, trên cơ sở đó nâng cao năng lực ứng dụng vào thực tiễn huấn luyện thể thao và giáo dục thể chất.

4.1.4. Y học Thể dục Thể thao

Trang bị cho học viên những kiến thức về kiểm tra y học trong giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao, Y sinh học trong tuyển chọn thể thao, hồi phục và xoa bóp thể thao để vận dụng vào thực tiễn của công tác giảng dạy và huấn luyện. Biết vận dụng các kiến thức y học vào công tác nghiên cứu khoa học và tuyển chọn vận động viên.

4.1.5. Lý luận và phương pháp GDTC

Trang bị cho học viên những kiến thức lý luận và phương pháp GDTC về phương tiện, phương pháp và các nguyên tắc về phương pháp giáo dục thể chất; dạy học động tác và giáo dục các tố chất thể lực; lý luận và phương pháp huấn luyện thể thao về các nhân tố và khuynh hướng phát triển thể thao thành tích cao, nội dung, phương tiện, cấu trúc quá trình huấn luyện; Biết vận dụng các lý luận và phương pháp Giáo dục thể chất vào công tác giảng dạy, huấn luyện, nghiên cứu khoa học trong Giáo dục thể chất và thể dục thể thao.

4.1.6. Phương pháp nghiên cứu khoa học TDTT

Trang bị đầy đủ những kiến thức lý luận về phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực thể dục thể thao và một số lĩnh vực liên quan, giúp học viên biết vận dụng thành thạo trong thực tiễn công tác nghiên cứu. Trên cơ sở nắm vững bản chất logic của nghiên cứu khoa học, học viên biết phát hiện vấn đề khoa học, biết ứng dụng các phương pháp nghiên cứu để thu nhận và xử lý thông tin, biết tổ chức và triển khai nghiên cứu một đề tài khoa học, biết thực hiện luận văn tốt nghiệp trình độ thạc sĩ.

4.1.7. Đo lường thể thao

Môn học trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản, hiện đại về đo lường thể thao, các phương pháp đo lường trong thể thao, vận dụng kiến thức đo lường trong giảng dạy, huấn luyện và nghiên cứu khoa học thể dục thể thao. Có thể đánh giá các hoạt động TDTT, dự báo chuẩn xác xu thế phát triển thành tích thể thao.

4.1.8. Thể thao trường học

Môn học trang bị một cách có hệ thống những vấn đề thiết yếu của thể thao trường học như: vai trò, mục tiêu và nhiệm vụ thể thao trường học; Quá trình và nội dung dạy học TDTT trường học; Nguyên tắc, phương pháp dạy học TDTT trường học; Tổ chức giờ học TDTT; các yêu cầu trong kiểm tra, đánh giá thể thao trường học. Giúp cho học viên sử dụng được các phương pháp dạy học mang tính chất đặc thù của bộ môn GDTC. Vận dụng phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả môn học GDTC trong nhà trường.

4.1.9. Tuyển chọn thể thao

Môn học sẽ trang bị cho người học những quan điểm, yêu cầu, qui trình tuyển chọn tài năng thể thao, các cơ sở lý luận, các cơ sở y sinh học, hệ thống các chỉ tiêu trong tuyển chọn tài năng thể thao; hệ thống test tuyển chọn VĐV các môn thể thao khác nhau, giúp cho người học có thể vận dụng các kiến thức vào trong công tác phát hiện và bồi dưỡng tài năng thể thao.

4.1.10. Phương pháp huấn luyện thể thao

Trang bị cho học viên những tri thức khoa học huấn luyện hiện đại về các quy luật huấn luyện, phương tiện, phương pháp huấn luyện thể lực, kỹ thuật, chiến thuật, đạo đức, tâm lý, ý trí và tri thức cho VĐV, trên cơ sở đó xác định được lượng vận động, lập kế hoạch huấn luyện và thi đấu thể thao. Qua đó, đánh giá được trình độ tập luyện của vận động viên nhằm nâng cao thành tích thể thao.

4.1.11. Tâm lý học TDTT

Trang bị cho học viên những tri thức cơ bản và nâng cao có chọn lọc về khoa học tâm lý trong lĩnh vực thể dục thể thao làm cơ sở cho các phương pháp giảng dạy, huấn luyện và thi đấu Thể dục thể thao. Trên cơ sở đó hình thành kỹ năng vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề tâm lý nảy sinh trong hoạt động giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao một cách khoa học và sáng tạo, đồng thời giúp học viên tránh được những sai sót trong nghề nghiệp giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao góp phần hình thành những phẩm chất và năng lực cần thiết của người cán bộ, giáo viên, huấn luyện viên thể thao. Giúp học viên tiếp cận với khoa học tâm lý hiện đại.

4.1.12. Giáo dục học TDTT

Môn học trang bị cho học viên những tri thức cơ bản và nâng cao có chọn lọc về khoa học giáo dục trong lĩnh vực TDTT làm cơ sở cho các phương pháp giảng dạy, huấn luyện và thi đấu TDTT. Trên cơ sở đó hình thành kỹ năng vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề giáo dục, huấn luyện nảy sinh trong hoạt động GDTC và huấn luyện thể thao một cách khoa học và sáng tạo, đồng thời giúp học viên tránh được những sai sót trong nghề nghiệp GDTC và huấn luyện thể thao góp phần hình thành những phẩm chất và năng lực cần thiết của người cán bộ, giáo viên, huấn luyện viên thể thao. Giúp học viên tiếp cận với khoa học giáo dục hiện đại.

4.1.13. Quản lý TDTT trường học

Trang bị cho học viên kiến thức nâng cao có tính bản chất về tổ chức quản lý TDTT, quản lý công tác Giáo dục thể chất và thể thao trường học. Biết ứng dụng kiến thức được học vào công tác tổ chức và quản lý các hoạt động Thể dục thể thao ở cơ sở và giảng dạy Thể dục thể thao trong trường phổ thông.

4.1.14. Xã hội học TDTT

Môn học trang bị cho học viên những kiến thức về cơ sở lý luận của Xã hội học TDTT, mối quan hệ của TDTT với các lĩnh vực xã hội khác cũng như các vấn đề xã hội

nội hàm trong lĩnh vực TDTT, xã hội hóa TDTT. Giúp học viên có kỹ năng tổ chức các hoạt động nghiên cứu, điều tra xã hội học trong lĩnh vực TDTT.

4.1.15. Kinh tế TDTT

Trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản và nâng cao về kinh tế TDTT để đặt nền móng cho việc ứng dụng vào tổ chức, quản lý các hoạt động đa dạng của TDTT trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Giúp học viên nắm được những kiến thức cơ bản về kinh tế học TDTT, những nội dung cơ bản của kinh tế TDTT, những vấn đề cơ bản của thị trường thể thao chuyên nghiệp, kinh doanh thể thao, cá cược thể thao trong lĩnh vực kinh tế TDTT, vận hành theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

4.1.16. Thể thao giải trí

Môn học giới thiệu cho học viên những cơ sở lý luận của TDTT giải trí, cơ sở TDTT giải trí, các loại hình và các môn thể thao giải trí. Giúp cho người học có những kỹ năng hoạt động và quản lý lĩnh vực TDTT giải trí, phục vụ nhu cầu tập luyện của đại đa số nhân dân với mục tiêu khác nhau góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động toàn diện của nền TDTT xã hội.

4.1.17. Hồi phục thể thao

Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nguyên nhân, cơ chế, đặc điểm của mệt mỏi và hồi phục sau vận động. Trên nền tảng kiến thức đó học viên nắm bắt được các nguyên lý cơ bản của các phương pháp, phương tiện ứng dụng thúc đẩy hồi phục trong luyện tập và thi đấu thể thao. Biết vận dụng các kiến thức vào công tác giảng dạy, huấn luyện thể thao.

4.1.18. Truyền thông thể thao

Trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về truyền thông trong lĩnh vực TDTT để ứng dụng trong quá trình truyền đạt kiến thức; hoạt động marketing trong lĩnh vực TDTT, Marketing của những dịch vụ văn hoá - sức khoẻ và quảng cáo. Giúp người học viên có kỹ năng truyền thông thể thao, Quản trị marketing thể thao để vận dụng giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn.

4.1.19. Chuyên ngành huấn luyện thể thao

Trang bị và nâng cao cho học viên cao học những tri thức khoa học huấn luyện về việc vận dụng các phương tiện, phương pháp huấn luyện thể lực, kỹ thuật, chiến thuật, tâm lý, ý chí ... trên cơ sở đó xác định được lượng vận động, lập kế hoạch huấn luyện và

thi đấu thể thao. Qua đó, đánh giá được trình độ tập luyện của vận động viên các môn thể thao nhằm nâng cao thành tích thể thao.

4.1.20. Chuyên ngành Y sinh TDTT

Trang bị cho học viên kiến thức chuyên ngành y học hướng tới mục tiêu tăng cường và giữ gìn sức khỏe, nâng cao trình độ tập luyện, chẩn đoán điều trị và phòng ngừa chấn thương bệnh lý xuất hiện trong hoạt động TDTT, dinh dưỡng cho VĐV; hồi phục sức khỏe cho VĐV; xoa bóp thể thao; thể dục chữa bệnh. Học viên biết vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn của công tác giảng dạy và huấn luyện, có năng lực và tổ chức thực hành các test y sinh cũng như kỹ năng thao tác trên các phương tiện y sinh hiện có để phục vụ công tác thu thập thông tin nghiên cứu.

4.1.21. Chuyên ngành Quản lý TDTT

Trang bị những kiến thức về khoa học quản lý, quản lý Nhà nước về TDTT, quản lý các lĩnh vực TDTT, cán bộ TDTT, công tác kế hoạch trong TDTT, công tác xã hội hóa TDTT. Biết ứng dụng kiến thức được học vào công tác tổ chức và quản lý các hoạt động Thể dục thể thao ở cơ sở và giảng dạy Thể dục thể thao trong trường phổ thông.

4.1.22. Chuyên ngành thể thao trường học

Trang bị cho học viên những vấn đề cơ bản về TDTT trong trường học các cấp; các hoạt động TDTT ngoại khóa trong trường học; công tác huấn luyện TDTT nghiệp dư trường học; thiết kế bài dạy thực hành thể dục, xây dựng chương trình giảng dạy và các hoạt động thể thao trong trường học; Công tác nghiên cứu khoa học, tổ chức quản lý và đánh giá TDTT trường học. Giúp học viên biết ứng dụng kiến thức đã học để phát triển công tác TDTT trong trường học, có phương pháp đào tạo, bồi dưỡng năng khiếu, tài năng ở bậc phổ thông.

4.1.23. Luận văn thạc sĩ

Luận văn của chương trình theo định hướng nghiên cứu là một báo cáo kết quả nghiên cứu giải quyết một vấn đề đặt ra trong thực tiễn, triển khai áp dụng một nghiên cứu lý thuyết, một mô hình mới... trong lĩnh vực chuyên ngành vào thực tế; Luận văn phải có giá trị khoa học, giá trị thực tiễn, giá trị văn hoá, đạo đức và phù hợp với thuần phong mỹ tục của người Việt Nam; Luận văn phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật sở hữu trí tuệ. Việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả nghiên cứu của người khác hoặc của đồng tác giả phải được dẫn nguồn đầy đủ, rõ ràng tại vị trí trích dẫn và tại danh mục tài liệu tham khảo. Kết quả nghiên cứu trong luận văn phải là kết quả lao động của

chính tác giả, chưa được người khác công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào; Luận văn được trình bày khoa học, rõ ràng, mạch lạc, khúc chiết, không tẩy xóa.

4.2. Phương pháp giảng dạy và học tập

Phương pháp tiếp cận trong dạy học luôn lấy người học làm trung tâm, phương pháp dạy học đa dạng và sáng tạo, đáp ứng chuẩn đầu ra đã được Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội tuyên bố trong các chương trình đào tạo. Cũng như các chương trình khác, Chương trình thạc sĩ ngành Giáo dục học được thiết kế theo hướng tiên tiến hiện đại bám sát mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của chương trình, phù hợp theo nhu cầu xã hội.

Phương pháp giảng dạy - học tập của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ Giáo dục học chuyên ngành GDTC được thực hiện theo các định hướng sau đây:

- Dựa vào triết lý giáo dục của Trường Đại học sư phạm TDTT Hà Nội và để đảm bảo đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo nói chung và từng học phần nói riêng; Phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học viên; bồi dưỡng năng lực tự chủ và tự học để học viên có thể tiếp tục tìm hiểu, mở rộng vốn tri thức, tiếp tục phát triển các phẩm chất, năng lực sau khi tốt nghiệp.

- Các hình thức tổ chức dạy học được thực hiện một cách đa dạng và linh hoạt bằng cách phối hợp học tập ở trên lớp với tự học, tự nghiên cứu, học nhóm...; coi trọng năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề thuộc lĩnh vực ngành, chuyên ngành đào tạo và năng lực độc lập nghiên cứu khoa học, xử lý các vấn đề thực tiễn của học viên. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học. Coi trọng các nguồn học liệu là giáo trình chính và tài liệu tham khảo thêm đã được giảng viên trang bị; cần khai thác triệt để những lợi thế của công nghệ thông tin trong dạy học trên các phương tiện kho tri thức - đa phương tiện, tăng cường sử dụng các tư liệu điện tử.

Các phương pháp dạy học được lựa chọn và thiết kế phù hợp với nội dung của mỗi học phần. Tùy theo yêu cầu cần đạt, giảng viên có thể sử dụng phối hợp nhiều phương pháp dạy học khác nhau: dạy học trực tiếp; học gián tiếp; dạy học tương tác; dạy học trải nghiệm; học tập độc lập... Một số phương pháp dạy học chủ yếu:

Phương pháp thuyết trình: Giảng viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giảng viên là người thuyết trình, diễn giảng. Người học có trách nhiệm nghe giảng và ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giảng viên truyền đạt. Phương pháp này được sử dụng đối với phần kiến thức lý thuyết. Mục đích là giúp người

học có hiểu sâu sắc về những nội dung lý thuyết của học phần.

Phương pháp đàm thoại: là phương pháp giảng viên khéo léo đặt hệ thống câu hỏi để người học trả lời nhằm gợi mở cho người học sáng tỏ những vấn đề mới; tự khai phá những tri thức mới bằng sự tái hiện những tài liệu đã học hoặc từ những kinh nghiệm đã tích lũy được, nhằm giúp học viên củng cố, mở rộng, đào sâu, tổng kết, hệ thống hóa tri thức đã tiếp thu được.

Phương pháp thảo luận, seminar: Được sử dụng đối với phần kiến thức seminar, thảo luận. Mục đích là rèn luyện kỹ năng sử dụng ngôn ngữ để thuyết trình, trao đổi các nội dung cần thảo luận của môn học. Rèn luyện kỹ năng báo cáo, tự nghiên cứu, tương tác và làm việc theo nhóm. Hình thành năng lực tự chủ và trách nhiệm, giúp nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

Phương pháp bài tập: người học sẽ làm bài tập theo nội dung lý thuyết đã học và giảng viên sẽ hướng dẫn, xác nhận kết quả. Phương pháp này được sử dụng đối với phần kiến thức bài tập nhằm giúp người học vận dụng kiến thức môn học vào việc giải quyết các nội dung liên quan đến môn học; Rèn luyện kỹ năng sử dụng ngôn ngữ để thuyết trình; tương tác với tập thể; viết và trình bày. Từ đó hình thành năng lực tự chủ và trách nhiệm, giúp nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học

Thực tập, thực tế: Hoạt động tham quan, thực tế chuyên môn tại các cơ sở thể thao, doanh nghiệp kinh doanh thể thao, tham gia trải nghiệm các giải thể thao của các đơn vị quản lý TDTT,... giúp người học có cơ hội tìm hiểu môi trường làm việc, cách thức làm việc, góp phần hình thành kỹ năng nghề nghiệp, văn hóa làm việc, tạo sự tự tin nắm bắt cơ hội việc làm sau tốt nghiệp.

Phương pháp dạy học nêu và giải quyết vấn đề: Phương pháp dạy học nêu và giải quyết vấn đề là cách thức, con đường mà giảng viên áp dụng trong việc dạy học để làm phát triển khả năng tìm tòi, khám phá độc lập của người học bằng cách đưa ra các tình huống có vấn đề và điều khiển hoạt động của người học nhằm giải quyết các vấn đề đặt ra. Phương pháp dạy học nêu và giải quyết vấn đề được sử dụng trong phần kiến thức lý thuyết và cả trong phần kiến thức thực hành. Mục đích là giúp người học có hiểu biết sâu rộng về nội dung lý thuyết, thực hành, thực tập của học phần.

Phương pháp dạy học bằng tình huống: Phương pháp dạy học bằng tình huống là giảng viên đưa ra các tình huống (có thật hoặc hư cấu) chứa đựng nội dung bài giảng để người học có bối cảnh trải nghiệm, có điều kiện đưa ra các ý kiến cá nhân, qua đó phát

huy tính tích cực của sinh viên trong việc tự phân tích tìm đường đi đến chân lý. Phương pháp tình huống thuyết phục người học bằng chính kinh nghiệm và những suy luận cá nhân rút ra sau khi tham gia vào tình huống. Do đó, những tri thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm mà người học thu nhận được trở thành của chính họ, do họ tự nhận thức, không bị áp đặt bởi giảng viên. Phương pháp giảng dạy bằng tình huống, người học sẽ có khả năng làm việc tập thể, làm việc nhóm, tự nghiên cứu, suy luận, tích cực chủ động hơn trong học tập nhằm trang bị cho người học những kỹ năng cần thiết cho quá trình làm việc sau khi tốt nghiệp ra trường.

4.3. Phương pháp kiểm tra đánh giá

4.3.1. Các phương pháp đánh giá: xây dựng và áp dụng nhiều phương pháp đánh giá khác nhau. Tùy thuộc vào phương pháp dạy học và yêu cầu đáp ứng chuẩn đầu ra của từng học phần để lựa chọn các phương pháp đánh giá phù hợp. Việc đánh giá phải đảm bảo tính giá trị, tin tưởng và công bằng cũng như mức độ hiệu quả đạt được của tiến trình dạy học.

Phương pháp kiểm tra, đánh giá bao gồm: tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, tiểu luận, thực hành, bài tập, làm việc nhóm, thực tập hoặc kết hợp các hình thức nêu trên tùy đặc điểm của từng học phần nhằm đảm bảo độ chính xác, khách quan và công bằng.

4.3.2. Hình thức, trọng số đánh giá:

- 1) Đánh giá điểm quá trình: có trọng số 20%.
- 2) Đánh giá điểm thi kết thúc học phần: có trọng số 80%.

4.3.3. Công cụ, tiêu chí đánh giá

Trường Đại học sư phạm TDTT Hà Nội sử dụng thang điểm để đánh giá kết quả học tập của người học như sau:

- Điểm kiểm tra quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần là tổng điểm của đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần nhân với trọng số tương ứng, làm tròn đến một chữ số thập phân. Học phần đạt yêu cầu (học phần tích lũy) khi có điểm học phần từ 4,0 trở lên. Nếu học phần dưới 4,0 thì học viên phải học lại học phần đó hoặc có thể đổi sang học phần khác tương đương (nếu là học phần tự chọn)

- Thang điểm chữ dùng để xếp loại kết quả học tập của người học đối với học phần. Thang điểm 4 được dùng để tính điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung

tích lũy nhằm đánh giá kết quả học tập và xếp loại học tập đối với người học sau mỗi học kỳ hoặc cả khóa học.

Các Rubric đánh giá được xây dựng chi tiết tương ứng với các phương pháp đánh giá trong CTĐT của Nhà trường. Tùy theo yêu cầu, mục tiêu và đặc trưng của từng học phần để lựa chọn phương pháp đánh giá cũng như Rubric đánh giá thích hợp. Cùng một phương pháp đánh giá có thể áp dụng Rubric đánh giá khác nhau cho các học phần.

PHẦN 5 - QUY ĐỊNH VỀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

(Trích một số Điều theo Quyết định số 680/QĐ-ĐHSPTDTTHN ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm thể dục thể thao Hà Nội)

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này cụ thể hóa nội dung các điều khoản của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/ 8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi chung là Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT).

2. Quy chế này áp dụng đối với các tổ chức và cá nhân của Trường Đại học sư phạm Thể dục thể thao Hà Nội (sau đây gọi là Trường) tham gia vào quá trình đào tạo trình độ thạc sĩ gồm: tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo, cấp bằng thạc sĩ.

3. Quy chế này không áp dụng đối với việc tuyển sinh, tổ chức đào tạo những chương trình đào tạo thạc sĩ do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp bằng (bao gồm cả các chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài theo quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục).

Điều 2. Chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo thạc sĩ do Trường xây dựng, thẩm định và ban hành theo định hướng nghiên cứu hoặc định hướng ứng dụng, đáp ứng yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam và quy định về chuẩn chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Chương trình đào tạo được thực hiện để cấp bằng thạc sĩ theo quy định của Quy chế này; không cấp thêm một văn bằng giáo dục đại học khác.

3. Chương trình đào tạo áp dụng chung đối với các hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đối tượng người học khác nhau.

4. Nội dung chương trình đào tạo cần ghi rõ: định hướng đào tạo, đối tượng tuyển sinh, ngành phù hợp đối với người học đã tốt nghiệp trình độ đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên), các học phần học bổ sung đối với các ngành gần và ngành khác, các yêu cầu về ngoại ngữ đầu vào và ngoại ngữ đầu ra đối với mỗi người học phải cùng một ngôn ngữ.

5. Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ có khối lượng kiến thức tối thiểu 60 tín chỉ. Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết giảng lý thuyết hoặc 30 tiết thực hành, thí nghiệm, bài tập, tiểu luận, thảo luận. Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ gồm ba phần: kiến thức

chung, kiến thức cơ sở và chuyên ngành, luận văn thạc sĩ (đối với chương trình định hướng nghiên cứu), đề án tốt nghiệp (đối với chương trình định hướng ứng dụng).

a) Phần kiến thức chung bao gồm học phần triết học có khối lượng theo quy định của Bộ giáo dục và đào tạo; học phần ngoại ngữ đáp ứng trình độ bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.

b) Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành: bao gồm các học phần bắt buộc và học phần tự chọn. Trong đó, các học phần tự chọn chiếm tối thiểu 30% khối lượng chương trình đào tạo. Nhà trường xây dựng số học phần tự chọn nhiều hơn số học phần mà học viên được chọn

c) Luận văn thạc sĩ (đối với chương trình định hướng nghiên cứu) có khối lượng 15 tín chỉ, đề án tốt nghiệp (đối với chương trình định hướng ứng dụng) có khối lượng 9 tín chỉ.

6. Chương trình đào tạo được dạy và học bằng tiếng nước ngoài phải tuân thủ các quy định do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

7. Những thay đổi, điều chỉnh liên quan đến chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định hiện hành và công bố cho học viên trước khi áp dụng.

Điều 3. Hình thức và thời gian đào tạo

1. Hình thức đào tạo chính quy áp dụng cho chương trình định hướng nghiên cứu và chương trình định hướng ứng dụng. Hình thức đào tạo vừa làm vừa học áp dụng cho chương trình định hướng ứng dụng. Thời gian tổ chức hoạt động giảng dạy đối với mỗi hình thức đào tạo thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Đối với mỗi hình thức đào tạo, Trường cung cấp kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa cho từng chương trình đào tạo để định hướng cho học viên.

3. Thời gian đào tạo được quy định như sau:

a) Thời gian đào tạo hình thức chính quy trình độ thạc sĩ của Trường được thực hiện là 02 năm (24 tháng), được tổ chức thành 04 kỳ học tập trung

b) Thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa đối với hình thức đào tạo vừa làm vừa học được thực hiện là 2,5 năm (30 tháng), được tổ chức thành 04 kỳ học tập trung.

c) Thời gian tối đa để học viên hoàn thành khóa học được quy định trong quy chế này và không vượt quá 02 lần thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa đối với mỗi hình thức đào tạo.

Điều 4. Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ

1. Người học được xem xét công nhận và chuyển đổi tín chỉ của một số học phần khi đã học một chương trình đào tạo thạc sĩ khác hoặc đã tốt nghiệp một chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học. Số tín chỉ được công nhận và chuyển đổi không vượt quá 30 tín chỉ.

2. Sinh viên đang học chương trình đào tạo đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) có học lực tính theo điểm trung bình tích lũy xếp loại khá trở lên có thể được đăng ký học trước một số học phần của chương trình đào tạo thạc sĩ tại Trường. Số tín chỉ được công nhận không vượt quá 15 tín chỉ.

3. Những học phần được xét công nhận và chuyển đổi tín chỉ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này khi đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Đáp ứng chuẩn đầu ra, yêu cầu về giảng viên, khối lượng học tập và các yêu cầu khác của học phần trong chương trình đào tạo thạc sĩ.

b) Điểm đánh giá đạt từ điểm C (hoặc quy đổi tương đương) trở lên.

c) Thời điểm hoàn thành không quá 05 năm tính tới thời điểm xét công nhận, chuyển đổi.

4. Trường xem xét công nhận, chuyển đổi tín chỉ trên cơ sở đối sánh chuẩn đầu ra, nội dung và khối lượng học tập, cách thức đánh giá học phần và các điều kiện bảo đảm chất lượng thực hiện chương trình theo các cấp độ: Công nhận, chuyển đổi theo từng học phần; chuyển đổi theo từng nhóm học phần; chuyển đổi theo cả chương trình đào tạo.

5. Quy trình xem xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 điều này gồm các bước sau:

- Đầu năm học, căn cứ vào chương trình đào tạo, học viên làm đơn đề nghị xem xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ học phần đã tích lũy cùng các minh chứng nộp tại Khoa đào tạo sau đại học.

- Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ, gồm: chủ tịch, thư ký và các ủy viên. Số lượng thành viên của hội đồng do Hiệu trưởng quyết định.

- Hội đồng họp xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ cho học viên

- Hiệu trưởng ký công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ

- Nhập điểm học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ

- Thông báo kết quả công nhận và chuyển đổi tín chỉ cho học viên

CHƯƠNG II. TUYỂN SINH

CHƯƠNG III. TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

Điều 17. Địa điểm đào tạo

Đào tạo trình độ thạc sĩ được thực hiện tại cơ sở chính của Trường Đại học sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội; các hoạt động thực hành, thực tập, nghiên cứu và trải nghiệm thực tế được tổ chức ở ngoài trường nhưng không vượt quá 20% khối lượng chương trình đào tạo.

Điều 20. Tổ chức đào tạo

1. Đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường được thực hiện theo học chế tín chỉ. Việc lập kế hoạch, tổ chức giảng dạy, đánh giá và xử lý kết quả học tập được thực hiện theo các quy định liên quan tại Quy chế đào tạo trình độ đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo hiện hành và quy định tại các khoản từ khoản 4 đến khoản 10 của Điều 7 Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT.

2. Thời khóa biểu thể hiện thời gian, địa điểm, hoạt động giảng dạy và học của từng lớp thuộc các khóa học, hình thức và chương trình đào tạo. Kế hoạch giảng dạy và học tập các học phần trong chương trình đào tạo được bố trí đều trong các tuần của học kỳ. Trong trường hợp cần thiết phải xếp lịch học tập trung thời gian, số giờ giảng dạy đối với mỗi học phần không vượt quá 15 giờ trong một tuần và 04 giờ trong một ngày.

3. Hiệu trưởng quyết định cụ thể việc tổ chức đào tạo theo khóa học, năm học và học kỳ; đăng ký nhập học, danh sách học viên các khóa; kế hoạch học tập, tổ chức lớp học; tổ chức thi kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học viên; việc bảo lưu kéo dài thời gian học; tổ chức bảo vệ luận văn, đề án tốt nghiệp; xét tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp cũng như những vấn đề khác liên quan đến học viên trong quá trình học tập tại Trường.

4. Đầu khóa học, Khoa Đào tạo SDH có trách nhiệm tổ chức nhập học cho thí sinh được công nhận trúng tuyển khóa mới. Nhà trường sẽ ra quyết định công nhận là học viên cho các thí sinh trúng tuyển đã đăng ký nhập học. Thí sinh trúng tuyển không đăng ký nhập học sau 2 tuần kể từ ngày tổ chức nhập học sẽ không được công nhận là học viên của Trường. Học viên khi nhập học được cấp mã số học viên, thẻ học viên, được phổ biến về quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ, chương trình đào tạo toàn khóa, đề cương chi tiết các học phần trong chương trình, kế hoạch học tập; kế hoạch thi, kiểm tra; thời gian tổ chức bảo vệ luận văn, đề án tốt nghiệp; các quy định của cơ sở đào tạo có liên quan đến khóa học.

5. Học viên đăng ký học tập trước khi bắt đầu mỗi học kỳ theo chương trình đào tạo được cung cấp; khối lượng tín chỉ tối đa 25 tín chỉ/học kỳ, tối thiểu 15 tín chỉ/học kỳ nhưng tổng số tín chỉ đăng ký tối đa trong một năm học không quá 45 tín chỉ đối với hình thức chính quy và không quá 30 tín chỉ đối với hình thức vừa học vừa làm

6. Đề cương chi tiết học phần phải rõ các nội dung: mục tiêu, số tín chỉ, học phần tiên quyết, nội dung, hình thức tổ chức dạy học, phương pháp đánh giá, học liệu của học phần và các nội dung khác theo yêu cầu của học phần và theo quy định của cơ sở đào tạo.

7. Tổ chức giảng dạy các nội dung trong chương trình đào tạo thạc sĩ phải được thực hiện bằng cách phối hợp học tập ở trên lớp với tự học, tự nghiên cứu; coi trọng năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề thuộc lĩnh vực ngành, chuyên ngành đào tạo và năng lực độc lập nghiên cứu khoa học, xử lý các vấn đề thực tiễn của học viên.

Tổ chức giảng dạy học phần được thực hiện theo kế hoạch và đề cương đã được phê duyệt. Việc tổ chức giảng dạy học phần được thực hiện như sau:

a) Lý thuyết: Giảng viên có trách nhiệm không ngừng đổi mới và cập nhật phương pháp giảng dạy hiện đại phù hợp với đào tạo theo học chế tín chỉ, với học phần và chuyên ngành giảng dạy, cập nhật công nghệ mới trong nội dung bài giảng, đem lại hiệu quả cao cho công tác đào tạo.

c) Bài tập, tiểu luận: Học viên tự nghiên cứu và thực hiện dưới sự hướng dẫn của giảng viên phụ trách học phần.

d) Thảo luận: Tổ chức trên lớp theo hình thức thuyết trình trao đổi.

đ) Kiểm tra giữa học kỳ: Giảng viên phụ trách căn cứ đề cương chi tiết của học phần để thực hiện. Điểm kiểm tra giữa kỳ do giảng viên phụ trách học phần quản lý và trực tiếp thông báo cho học viên trong giờ lên lớp.

e) Hình thức tổ chức giảng dạy có thể là trực tiếp hoặc trực tuyến. Các lớp học trực tuyến với khối lượng học tập không vượt quá 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo khi đáp ứng các quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; bảo đảm chất lượng không thấp hơn so với các lớp học trực tiếp.

g) Hình thức đánh giá trực tuyến được áp dụng khi đảm bảo sự tin cậy, công bằng và khách quan như đánh giá trực tiếp, đồng thời đóng góp không quá 50% trọng số điểm học phần, trừ luận văn và đề án tốt nghiệp.

h) Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh và các trường hợp bất khả kháng khác, Trường sẽ thực hiện đào tạo và đánh giá trực tuyến các học phần theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

8. Nhà trường không bắt buộc học viên phải học học phần ngoại ngữ tại Trường, nhưng nhà trường phải tổ chức giảng dạy (nếu học viên có nhu cầu) và đánh giá học phần theo quy định tại Khoản 3, Điều 21 của Quy định này.

Điều 21. Thi, kiểm tra, đánh giá học phần

1. Việc đánh giá học phần phải đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Khách quan, chính xác, công bằng, phân loại được trình độ của người học; công khai, minh bạch các quy định về đánh giá và kết quả đánh giá học phần;

b) Đề thi, kiểm tra phải phù hợp với nội dung và đảm bảo mục tiêu học phần đã xác định trong đề cương chi tiết;

c) Đúng hình thức và phương pháp đánh giá đã được quy định trong đề cương chi tiết của học phần;

d) Kết hợp kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập với thi kết thúc học phần;

đ) Kết hợp một số hình thức đánh giá (bài tập, tiểu luận, kết quả thực hành, báo cáo chuyên đề, thi viết, thi vấn đáp...) phù hợp với yêu cầu của học phần;

e) Kết hợp đánh giá ý thức học tập chuyên cần và tính độc lập, sáng tạo của người học.

g) Hình thức đánh giá trực tuyến được áp dụng khi bảo đảm sự tin cậy, công bằng và khách quan như đánh giá trực tiếp, đồng thời đóng góp không quá 50% trọng số điểm học phần.

2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần.

a) Học viên được thi kết thúc học phần khi đã thực hiện đầy đủ về học phí và học tập đối với học phần, tham dự ít nhất 80% số tiết lên lớp lý thuyết đã qui định (có đủ các điều kiện giờ giảng lý thuyết, thực hành, bài tập kiểm tra thường kỳ, tiểu luận được qui định trong đề cương chi tiết của học phần).

b) Học viên vắng mặt trong kỳ thi kết thúc học phần nếu không có lý do chính đáng phải nhận điểm 0. Trường hợp vì lý do bất khả kháng không thể tham dự kỳ thi kết thúc học phần, học viên phải làm đơn xin hoãn thi và nộp cho Khoa Đào tạo sau đại học trước buổi thi kết thúc học phần;

- Học viên được xem xét hoãn thi khi có đủ các điều kiện như: đi học đầy đủ, dự các lần kiểm tra, hoàn tất các phần thực hành (nếu có); có đơn xin hoãn thi nộp về Khoa Đào tạo sau đại học đúng thời hạn quy định.

- Học viên hoãn thi học phần nào thì được phép dự thi kết thúc học phần đó vào học kỳ kế tiếp khi học phần được mở. Nếu trường hợp học phần không còn tồn tại (không có chương trình đào tạo của các khóa tiếp theo) thì Khoa Đào tạo sau đại học sẽ phối hợp với giảng viên phụ trách học phần tổ chức cho thi bù theo quy định hoặc học viên được phép học học phần khác thay thế.

c) Học viên không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần nào thì phải đăng ký học lại học phần đó hoặc điểm trung bình học phần dưới 4,0 thì phải đăng ký học lại học phần đó.

3. Đối với học phần ngoại ngữ:

a) Căn cứ vào chuẩn đầu ra năng lực ngoại ngữ đào tạo trình độ thạc sĩ tương đương bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, Thủ trưởng cơ sở đào tạo tổ chức đánh giá học phần ngoại ngữ của học viên (bao gồm cả học viên không đăng ký học ngoại ngữ tại cơ sở đào tạo).

b) Học viên được miễn đánh giá học phần ngoại ngữ, đủ điều kiện về ngoại ngữ của Quy chế này trong các trường hợp sau:

- Có một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục của Quy chế này hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký bảo vệ, đề án tốt nghiệp.

- Học chương trình đào tạo thạc sĩ giảng dạy bằng ngôn ngữ nước ngoài được cơ quan có thẩm quyền cho phép; học viên được giảng dạy, viết và bảo vệ bằng ngôn ngữ nước ngoài.

c) Kết quả đánh giá học phần ngoại ngữ, hoặc được miễn đánh giá học phần ngoại ngữ được ghi vào bảng điểm học tập toàn khóa, nhưng không tính vào điểm trung bình chung của các học phần (điểm trung bình chung tích lũy). Những trường hợp học viên đủ điều kiện về ngoại ngữ, được miễn đánh giá học phần ngoại ngữ thì được coi như đã học đủ 6 tín chỉ của học phần ngoại ngữ trong chương trình đào tạo thạc sĩ.

4. Cách tính điểm học phần

a) Điểm kiểm tra thường xuyên và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

b) Điểm học phần là tổng của điểm kiểm tra thường xuyên và điểm thi kết thúc học phần nhân với trọng số tương ứng, làm tròn đến một chữ số thập phân. Học phần đạt yêu cầu (học phần tích lũy) khi có điểm học phần từ 4,0 trở lên. Nếu điểm học phần dưới 4,0 thì học viên phải học lại học phần đó hoặc có thể đổi sang học phần khác tương đương (nếu là học phần tự chọn).

Điểm học phần được chuyển thành điểm chữ và số như sau:

Điểm theo thang điểm 10	Điểm theo chữ và hệ 4		Xếp loại
	Điểm chữ	Điểm số	
Từ 9,0 đến 10	A ⁺	4,0	Đạt
Từ 8,5 đến cận 9,0	A	3,7	
Từ 8,0 đến cận 8,5	B ⁺	3,5	
Từ 7,0 đến cận 8,0	B	3,0	
Từ 6,5 đến cận 7,0	C ⁺	2,5	
Từ 5,5 đến cận 6,5	C	2,0	
Từ 5,0 đến cận 5,5	D ⁺	1,5	
Từ 4,0 đến cận 5,0	D	1,0	
Từ 0,0 đến cận 4,0	F	0	Không đạt

5. Cách tính điểm trung bình chung các học phần và xếp loại học lực

a) Để tính điểm trung bình chung các học phần, mức điểm chữ của mỗi học phần phải được quy đổi qua điểm số (theo thang điểm 4) như ở Khoản 4 Điều này.

b) Điểm trung bình chung được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó: A là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy

a_i là điểm của học phần thứ i

n_i là số tín chỉ của học phần thứ i n là tổng số học phần.

Học viên được xếp loại học lực theo điểm trung bình chung các học phần trong chương trình đào tạo như sau:

- Loại xuất sắc: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,6 đến 4,0
- Loại giỏi: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,2 đến cận 3,6

- Loại khá: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,5 đến cận 3,2
- Loại trung bình: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,0 đến cận 2,5
- Loại yếu: Điểm trung bình chung tích lũy từ 1,0 đến cận 2,0
- Loại kém: Điểm trung bình chung tích lũy dưới 1,0

Nếu điểm trung bình chung các học phần chưa đạt 2,0 trở lên theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 20 của Quy chế này thì học viên phải đăng ký học lại một hoặc một số học phần có điểm dưới 5,5 (theo thang điểm 10) hoặc có thể đổi sang học phần khác tương đương (nếu là học phần tự chọn). Điểm được công nhận sau khi học lại là điểm học phần cao nhất trong 2 lần học.

6. Quản lý điểm học phần

a) Các điểm thi kết thúc học phần và điểm học phần phải ghi vào bảng điểm theo mẫu thống nhất của Nhà trường. Một bản lưu tại phòng Đảm bảo chất lượng và thanh tra, một bản gửi về Khoa Đào tạo sau đại học chậm nhất mười ngày sau ngày thi kết thúc học phần.

b) Khoa Đào tạo sau đại học có trách nhiệm quản lý điểm thi các học phần của học viên ngay sau khi nhận được kết quả đánh giá học phần, đồng thời lưu trữ toàn bộ kết quả điểm thi đánh giá các học phần.

Điều 22. Lấy ý kiến phản hồi của người học về tổ chức hoạt động đào tạo thạc sĩ của Nhà trường.

Hàng năm Nhà trường tổ chức khảo sát ý kiến của học viên (sắp tốt nghiệp và đã tốt nghiệp) về hoạt động đào tạo thạc sĩ của Nhà trường với các nội dung:

- Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;
- Khung chương trình dạy học;
- Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập;
- Kiến thức, kỹ năng giảng dạy của giảng viên;
- Mức độ đáp ứng của các trang thiết bị phục vụ đào tạo;
- Mức độ phù hợp của thư viện và các nguồn học liệu, của hệ thống CNTT trong việc hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học ...

Điều 23. Hướng dẫn Luận văn tốt nghiệp

1. Học viên theo học chương trình định hướng nghiên cứu phải thực hiện một đề tài nghiên cứu có khối lượng 15 tín chỉ, kết quả được thể hiện bằng luận văn. Học viên thực hiện luận văn trong thời gian ít nhất 09 tháng.

2. Luận văn là một báo cáo khoa học, tổng hợp các kết quả nghiên cứu chính của học viên, đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Có đóng góp về lý luận, học thuật hoặc phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo; thể hiện năng lực nghiên cứu của học viên, chưa được công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào;

b) Phù hợp với các chuẩn mực về văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của người Việt Nam;

c) Tuân thủ quy định của Trường về liêm chính học thuật và các quy định hiện hành của pháp luật về sở hữu trí tuệ. Việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả nghiên cứu của người khác hoặc của đồng tác giả phải được dẫn nguồn đầy đủ, rõ ràng tại vị trí trích dẫn và tại danh mục tài liệu tham khảo.

d) Nội dung luận văn phải thể hiện được các kiến thức về lý thuyết và thực hành trong lĩnh vực chuyên môn, phương pháp giải quyết vấn đề đã đặt ra. Các kết quả của luận văn phải chứng tỏ tác giả đã biết vận dụng phương pháp nghiên cứu và những kiến thức được trang bị trong quá trình học tập để xử lý đề tài.

3. Giao đề tài luận văn thạc sĩ

a) Đề cương luận văn thạc sĩ là nội dung bắt buộc đối với học viên

- Đầu học kỳ II Khoa Đào tạo SDH sẽ lập danh sách giảng viên hướng dẫn khoa học cho khóa học, học viên chủ động liên hệ mời giảng viên hướng dẫn (theo danh sách); đăng ký tên đề tài và người hướng dẫn khoa học với Khoa Đào tạo SDH. Khoa Đào tạo SDH sẽ điều chỉnh người hướng dẫn trong trường hợp số lượng học viên đăng ký quá mức quy định dành người hướng dẫn theo Khoản 4, Điều này.

- Học viên xây dựng đề cương luận văn thạc sĩ (theo mẫu), xin ý kiến của người hướng dẫn khoa học góp ý.

- Nộp 05 bản đề cương cho Khoa đào tạo sau đại học chậm nhất trước ngày bảo vệ 10 ngày (theo lịch của Hội đồng).

b) Tổ chức đánh giá đề cương

- Khoa đào tạo sau đại học sẽ đề xuất Hiệu trưởng quyết định thành lập Hội đồng thông qua đề cương cho học viên. Hội đồng có từ 3-5 thành viên có bằng tiến sĩ trở lên, có chuyên môn phù hợp với đúng chuyên ngành đào tạo; Thời gian tổ chức đánh giá đề cương là đầu học kỳ III. Đề cương được tổ chức đánh giá như sau:

- Học viên trình bày và bảo vệ đề cương trước Hội đồng; Các thành viên Hội đồng sẽ đánh giá và góp ý về tính khả thi của đề tài nghiên cứu, sự hợp lý của các mục tiêu, phương pháp và tổ chức nghiên cứu; Kết luận của chủ tịch hội đồng là ý kiến bắt buộc đối với học viên thực hiện luận văn tốt nghiệp;

- Hội đồng sẽ đánh giá thông qua hoặc thông qua nhưng phải chỉnh sửa hoặc không thông qua đề cương; Trường hợp Hội đồng đánh giá thông qua nhưng phải chỉnh sửa, học viên phải sửa chữa đề cương theo yêu cầu của Hội đồng, Khoa đào tạo sau đại học kiểm tra và xác nhận nội dung đã chỉnh sửa của học viên; Trong trường hợp đề cương không được thông qua, học viên phải làm lại đề trình Người hướng dẫn và sẽ được tổ chức bảo vệ lần tiếp theo. Thời gian bảo vệ lại sau lần bảo vệ đầu tiên từ 20 đến 30 ngày. Nếu lần bảo vệ lại không được thông qua học viên phải làm lại đề trình Người hướng dẫn và sẽ được tổ chức bảo vệ với khóa tiếp theo.

- Sau khi đề cương nghiên cứu được thông qua, học viên không được tự ý thay đổi luận văn, thay đổi mục đích nghiên cứu, khách thể nghiên cứu và phương hướng chính của luận văn. Trường hợp cần thay đổi luận văn thì đề cương nghiên cứu phải được bảo vệ lại từ đầu (sau 3 tuần), nếu chỉ thay đổi một vài chỗ trong đề cương mà không ảnh hưởng đến bản chất của đề tài thì đề cương không phải bảo vệ lại.

c) Giao đề tài luận văn thạc sĩ

- Sau khi thông qua đề cương 7 ngày, học viên nộp lại cho Khoa đào tạo sau đại học 02 quyền đề cương hoàn chỉnh có chữ ký của người hướng dẫn và học viên.

- Căn cứ vào kết quả đánh giá đề cương, Khoa Đào tạo SDH có trách nhiệm thực hiện các thủ tục trình Hiệu trưởng ra Quyết định giao đề tài luận văn và người hướng dẫn cho học viên. Khoa Đào tạo SDH chịu trách nhiệm thông báo đến học viên, người hướng dẫn luận văn, và theo dõi quá trình thực hiện luận văn thạc sĩ của học viên.

d) Việc thay đổi đề tài trong quá trình thực hiện luận văn do Hiệu trưởng ra quyết định trên cơ sở đơn đề nghị của học viên, được người hướng dẫn và Khoa đào tạo sau đại học đồng ý, trước khi tổ chức bảo vệ luận văn ít nhất là 6 tháng.

4. Mỗi học viên có một hoặc hai người hướng dẫn luận văn, trong đó phải có một người là giảng viên cơ hữu của Trường. Tại một thời điểm, một người hướng dẫn độc lập không quá 05 học viên (tính cả số học viên thực hiện đề án tốt nghiệp của chương trình định hướng ứng dụng); trường hợp đồng hướng dẫn 02 học viên được tính tương đương hướng dẫn độc lập 01 học viên.

5. Tiêu chuẩn của người hướng dẫn luận văn:

a) Có trình độ tiến sĩ chuyên môn phù hợp với ngành đào tạo và đề tài luận văn của học viên;

b) Có năng lực ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện nghiên cứu và trao đổi khoa học quốc tế;

c) Có kết quả nghiên cứu khoa học liên quan đến đề tài luận văn trong thời gian 05 năm tính đến thời điểm được giao hướng dẫn.

Điều 24. Đánh giá luận văn

1. Điều kiện bảo vệ luận văn:

a) Học viên hoàn thành chương trình đào tạo, có điểm trung bình chung các học phần trong chương trình đào tạo đạt từ 2,0 điểm trở lên theo thang điểm 4 hoặc 5,5 theo thang điểm 10.

b) Có đơn xin bảo vệ và cam đoan danh dự về kết quả nghiên cứu trung thực, đồng thời phải có ý kiến xác nhận của người hướng dẫn là luận văn đạt các yêu cầu theo quy định tại Khoản 2 Điều 23 Quy chế này;

c) Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật đình chỉ học tập;

d) Không bị tố cáo theo quy định của pháp luật về nội dung khoa học trong luận văn.

e) Nộp luận văn đúng yêu cầu và thời hạn quy định của Nhà trường.

2. Luận văn được tổ chức đánh giá bằng hình thức bảo vệ trước hội đồng. Buổi bảo vệ được tổ chức công khai trừ những đề tài thuộc các lĩnh vực cần bảo mật thực hiện theo quy định của Nhà nước.

3. Hội đồng đánh giá luận văn do Hiệu trưởng ra quyết định thành lập trên cơ sở đề nghị của trường Khoa đào tạo sau đại học. Hội đồng họp để đánh giá luận văn trong thời hạn tối đa 30 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định thành lập Hội đồng. Hội đồng đánh giá luận văn bảo đảm các yêu cầu sau:

a). Hội đồng đánh giá luận văn có 05 thành viên gồm: Chủ tịch, thư ký, 02 ủy viên phản biện và ủy viên khác; trong đó ít nhất có 01 ủy viên phản biện là người ngoài Trường.

b) Tiêu chuẩn các thành viên hội đồng phải đáp ứng tiêu chuẩn như người hướng dẫn luận văn quy định tại Khoản 5 Điều 23 Quy chế này; trong đó Chủ tịch hội đồng phải là giảng viên cơ hữu hoặc nghiên cứu viên cơ hữu của Trường;

c) Người hướng dẫn có thể tham gia hội đồng với tư cách là ủy viên nhưng không được cho điểm đánh giá; cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh, chị, em ruột của học viên không tham gia hội đồng.

4. Buổi bảo vệ luận văn được tổ chức khi ít nhất 2 phần 3 tổng số thành viên Hội đồng đánh giá có mặt, trong đó có Chủ tịch, thư ký và ít nhất 01 ủy viên phản biện. Hình thức bảo vệ trực tuyến có thể được thực hiện khi có sự đồng thuận của các thành viên hội đồng và học viên; toàn bộ diễn biến của buổi bảo vệ trực tuyến được ghi hình, ghi âm và lưu trữ tại Trường.

5. Điểm chấm luận văn của từng thành viên hội đồng theo thang điểm 10, có thể lẻ đến một chữ số thập phân, gồm: điểm nội dung luận văn tối đa 9,0 điểm và điểm thành tích nghiên cứu tối đa 1,0 điểm cho những luận văn mà học viên đã có bài báo khoa học liên quan công bố trên danh mục tạp chí khoa học do thủ trưởng cơ sở đào tạo quy định. Điểm luận văn là trung bình cộng điểm chấm của các thành viên có mặt trong buổi đánh giá luận văn, làm tròn đến một chữ số thập phân. Luận văn đạt yêu cầu khi điểm trung bình của hội đồng chấm từ 5,5 điểm trở lên. Điểm luận văn được chuyển sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 như quy định nêu ở Khoản 4 Điều 21 Quy chế này

6. Trong trường hợp luận văn bảo vệ không đạt yêu cầu, học viên được chỉnh sửa, bổ sung luận văn để bảo vệ lần thứ hai trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày họp hội đồng đánh giá luận văn lần thứ nhất; không tổ chức bảo vệ luận văn lần thứ ba. Nếu học viên có nguyện vọng thì Hiệu trưởng có thể xem xét giao đề tài mới. Trong trường hợp này, không tổ chức bảo vệ lại nếu luận văn không đạt yêu cầu. Thời gian tối đa để hoàn thành chương trình đào tạo phải theo đúng quy định tại điểm c Khoản 3, Điều 3 Quy chế này. Kinh phí cho việc tổ chức đánh giá lại, thực hiện và bảo vệ đề tài mới do học viên tự chi trả.

7. Sau khi bảo vệ thành công, toàn văn luận văn (đã được chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của hội đồng nếu có) phải được nộp và lưu trữ tại thư viện của Trường; được công bố trên trang thông tin điện tử của Trường trong thời gian ít nhất 30 ngày, trừ một số đề tài thuộc các lĩnh vực cần bảo mật thực hiện theo quy định của Nhà nước.

8. Hiệu trưởng quy định chi tiết về thủ tục, nội dung, trình tự tổ chức đánh giá một luận văn; hồ sơ, các biên bản về bảo vệ luận văn; yêu cầu đối với bản nhận xét luận văn; xây dựng nội dung và ban hành phiếu chấm luận văn theo thang điểm quy định.

Điều 25. Thẩm định luận văn

1. Thành lập hội đồng thẩm định

Khi có đơn tố cáo đúng quy định của Luật Tố cáo, có căn cứ rõ ràng cho thấy luận văn không đảm bảo các yêu cầu theo quy định tại Khoản 2 Điều 23 Quy chế này hoặc khi thấy cần thiết, Hiệu trưởng thành lập hội đồng thẩm định luận văn. Số lượng, yêu cầu đối với thành viên hội đồng thẩm định luận văn theo quy định tại khoản Khoản 3 Điều 24 của Quy chế này; trong đó, số thành viên trong Trường tham gia hội đồng tối đa không quá hai người; thành viên hội đồng thẩm định không trùng với hội đồng đánh giá luận văn.

2. Thẩm định luận văn

a) Trước khi họp hội đồng thẩm định, các thành viên hội đồng có bản nhận xét về sự cần thiết của việc nghiên cứu đề tài luận văn, sự phù hợp với chuyên ngành; sự không trùng lặp về đề tài, nội dung, kết quả nghiên cứu với các công trình đã được công bố; tính trung thực, minh bạch trong trích dẫn tư liệu; bố cục và hình thức trình bày; nội dung, phương pháp, kết quả, ý nghĩa, độ tin cậy của các kết quả đạt được; đánh giá thành công và hạn chế của luận văn, khẳng định mức độ đáp ứng yêu cầu của một luận văn thạc sĩ.

b) Việc thẩm định luận văn được thực hiện theo quy định tại các Khoản 2, Khoản 5 Điều 24 Quy chế này.

c) Tác giả luận văn, người hướng dẫn, thành viên hội đồng đánh giá luận văn không tham dự phiên họp của hội đồng thẩm định nhưng được Nhà trường thông báo và có thể gửi ý kiến, cung cấp tài liệu (nếu có) tới hội đồng thẩm định.

3. Xử lý kết quả thẩm định luận văn không đạt yêu cầu

Nếu hội đồng thẩm định kết luận luận văn không đạt yêu cầu thì Hiệu trưởng dừng việc cấp bằng hoặc thu hồi, huỷ bỏ bằng thạc sĩ đã cấp (nếu có) do học viên chưa đủ điều kiện tốt nghiệp. Những trường hợp luận văn không đạt yêu cầu không vì lý do sao chép bất hợp pháp thì quyền và trách nhiệm của học viên giải quyết như sau:

a) Trường hợp chưa bảo vệ lại luận văn, đề tài vẫn cần thiết nghiên cứu thì học viên được chỉnh sửa, bổ sung và bảo vệ lại luận văn trước hội đồng thẩm định theo quy định tại các Khoản 2, Khoản 5 Điều 24 Quy chế này. Trường hợp đã hết thời gian tối đa để hoàn thành chương trình đào tạo theo quy định tại điểm Khoản 3 Điều 3 Quy chế này thì học viên được gia hạn tối đa không quá 03 tháng.

b) Trường hợp đã bảo vệ lại luận văn hoặc đề tài không cần thiết tiếp tục nghiên cứu, nếu học viên có nguyện vọng thì Hiệu trưởng quyết định giao đề tài mới. Trường hợp đã hết thời gian tối đa để hoàn thành chương trình đào tạo theo quy định tại Khoản 3

Điều 3 Quy chế này thì học viên được thực hiện đề tài mới trong thời gian tối đa 06 tháng. Hiệu trưởng tổ chức đánh giá luận văn theo các quy định tại Điều 24 Quy chế này.

c) Kinh phí cho việc chỉnh sửa, bổ sung luận văn, thực hiện và bảo vệ đề tài mới do học viên tự chi trả.

Điều 26. Hướng dẫn, đánh giá và thẩm định đề án tốt nghiệp chương trình đào tạo định hướng ứng dụng

1. Học viên theo học chương trình định hướng ứng dụng phải thực hiện một học phần tốt nghiệp có khối lượng 9 tín chỉ dưới hình thức đề án, đồ án hoặc dự án (sau đây gọi chung là đề án). Học viên thực hiện đề án trong thời gian ít nhất 06 tháng.

2. Báo cáo đề án là một bản thuyết minh quá trình xây dựng, triển khai và kết quả triển khai đề án, đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Đề xuất và kiểm nghiệm được mô hình, giải pháp mới để giải quyết hiệu quả những thách thức trong thực tiễn; thể hiện năng lực ứng dụng khoa học, công nghệ và giải quyết vấn đề của học viên;

b) Phù hợp với các chuẩn mực về văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của người Việt Nam;

c) Tuân thủ quy định của Trường về liêm chính học thuật và các quy định hiện hành của pháp luật về sở hữu trí tuệ. Việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả nghiên cứu của người khác hoặc của đồng tác giả phải được dẫn nguồn đầy đủ, rõ ràng tại vị trí trích dẫn và tại danh mục tài liệu tham khảo.

3. Đề án tốt nghiệp

a) Đề án do học viên đề xuất, có đề cương nghiên cứu kèm theo, được người hướng dẫn đồng ý. Trường khoa đào tạo sau đại học đề xuất Hiệu trưởng thành lập hội đồng thông qua đề án và đề cương nghiên cứu cho học viên.

b) Hiệu trưởng ra quyết định giao đề án cho học viên và cử người hướng dẫn trước khi tổ chức bảo vệ đề án tốt nghiệp ít nhất là 06 tháng, trên cơ sở đề nghị của Khoa Đào tạo sau đại học.

c) Việc thay đổi tên đề án tốt nghiệp trong quá trình thực hiện đề án do Hiệu trưởng ra quyết định trên cơ sở đơn đề nghị của học viên, được người hướng dẫn và khoa đào tạo sau đại học đồng ý, trước khi tổ chức bảo vệ đề án tốt nghiệp ít nhất là 03 tháng.

4. Mỗi học viên có một hoặc hai người hướng dẫn đề án, trong đó phải có một người là giảng viên cơ hữu của Trường. Tại một thời điểm, một người hướng dẫn độc lập

không quá 05 học viên (tính cả số học viên thực hiện luận văn tốt nghiệp của chương trình định hướng nghiên cứu); trường hợp đồng hướng dẫn 02 học viên được tính tương đương hướng dẫn độc lập 01 học viên.

5. Tiêu chuẩn người hướng dẫn đề án tốt nghiệp quy định tại Khoản 5 Điều 23 Quy chế này.

6. Điều kiện bảo vệ đề án tốt nghiệp, hình thức bảo vệ, quyết định thành lập hội đồng đánh giá đề án tốt nghiệp thực hiện theo Khoản 1, 2 và 3 Điều 24 Quy chế này.

7. Hội đồng đánh giá kết quả thực hiện đề án tốt nghiệp có 05 thành viên, trong đó có chủ tịch, thư ký, 02 ủy viên phản biện và ủy viên khác, trong đó ít nhất 01 ủy viên phản biện là người ngoài Trường. Người hướng dẫn có thể tham gia hội đồng với tư cách là ủy viên, nhưng không được cho điểm đánh giá. Buổi bảo vệ chỉ tổ chức khi hội đồng đánh giá có mặt chủ tịch, thư ký và ủy viên phản biện. Hình thức bảo vệ trực tuyến có thể được thực hiện khi có sự đồng thuận của các thành viên hội đồng và học viên; toàn bộ diễn biến của buổi bảo vệ trực tuyến được ghi hình, ghi âm và lưu trữ tại Trường.

8. Điểm chấm đề án tốt nghiệp của từng thành viên hội đồng theo thang điểm 10, có thể lẻ đến hai chữ số thập phân. Điểm đề án tốt nghiệp là trung bình cộng điểm chấm của các thành viên có mặt trong buổi đánh giá đề án, làm tròn đến một chữ số thập phân. Đề án đạt yêu cầu khi điểm trung bình của hội đồng chấm từ 5,5 điểm trở lên, trong đó không có điểm chấm dưới 5,0. Điểm đề án tốt nghiệp được chuyển sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 như quy định nêu ở Khoản 4 Điều 21 Quy chế này.

9. Trong trường hợp đề án không đạt yêu cầu, học viên được chỉnh sửa, bổ sung đề án để được đánh giá lần thứ hai trong thời hạn 45 ngày tính từ ngày họp hội đồng đánh giá lần thứ nhất; không tổ chức đánh giá đề án lần thứ ba.

10. Sau khi bảo vệ thành công, toàn văn báo cáo đề án (đã được chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của hội đồng nếu có) phải được nộp và lưu trữ tại thư viện của Trường; được công bố trên trang thông tin điện tử của Trường trong thời gian ít nhất 30 ngày, trừ những đề tài thuộc các lĩnh vực cần bảo mật thực hiện theo quy định của Nhà nước.

11. Học viên có thể đẩy nhanh tiến độ học tập hoặc kéo dài thời gian bảo vệ đề án tốt nghiệp.

12. Thẩm định đề án tốt nghiệp thực hiện theo Điều 25 Quy chế này.

Điều 27. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ

1. Điều kiện để học viên được công nhận tốt nghiệp:

a) Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ luận văn, đề án đạt yêu cầu;

b) Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục I của Quy chế này hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;

c) Đã nộp luận văn, đề án được hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên, có bản xác nhận của người hướng dẫn và chủ tịch hội đồng về việc luận văn, đề án đã được chỉnh sửa theo kết luận của hội đồng, đóng kèm bản sao kết luận của hội đồng đánh giá luận văn, đề án và nhận xét của các phản biện để sử dụng làm tài liệu tham khảo tại thư viện và lưu trữ theo quy định của Trường

d) Đã công bố công khai toàn văn luận văn trên Website của Trường;

đ) Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của Trường; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

2. Trường tổ chức xét và công nhận tốt nghiệp trong thời hạn 60 ngày tính từ ngày học viên bảo vệ thành công luận văn, đề án; tối đa 90 ngày trong trường hợp phải tổ chức thẩm định luận văn, đề án.

3. Trường cấp bằng thạc sĩ cho học viên được công nhận tốt nghiệp trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có quyết định công nhận tốt nghiệp.

4. Văn bằng tốt nghiệp và phụ lục văn bằng ghi rõ chương trình đào tạo định hướng ứng dụng hoặc chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu và bảo đảm quy định nội dung chính ghi trên văn bằng và phụ lục văn bằng giáo dục đại học theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Xếp loại học tập trung bình toàn khóa cho học viên được thực hiện căn cứ vào điểm trung bình chung các học phần như sau:

a) Loại xuất sắc: Điểm trung bình chung từ 3,60 đến 4,00;

b) Loại giỏi: Điểm trung bình chung từ 3,20 đến cận 3,60;

c) Loại khá: Điểm trung bình chung từ 2,50 đến cận 3,20;

d) Loại trung bình: Điểm trung bình chung từ 2,00 đến cận 2,50.

6. Nếu học viên không đủ điều kiện tốt nghiệp, không bị kỷ luật buộc thôi học, đã hết thời gian đào tạo theo quy định tại Khoản 3 Điều 3 Quy chế này hoặc chưa hoàn thành các điều kiện tốt nghiệp, có yêu cầu thì được Hiệu trưởng cấp giấy chứng nhận về các học phần đã tích lũy trong chương trình đào tạo thạc sĩ.

CHƯƠNG IV. NHỮNG QUY ĐỊNH KHÁC ĐỐI VỚI HỌC VIÊN

Điều 28. Nghỉ học tạm thời, thôi học

1. Học viên được phép nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau đây:

- a) Được điều động vào lực lượng vũ trang;
- b) Được cơ quan có thẩm quyền điều động, đại diện quốc gia tham dự các kì thi, giải đấu quốc tế;
- c) Bị ốm đau, thai sản hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài, nhưng phải có giấy xác nhận của cơ sở khám, chữa bệnh có thẩm quyền theo quy định của Bộ Y tế;
- d) Vì lý do cá nhân khác nhưng phải hoàn thành ít nhất một phần tư tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo ở cơ sở đào tạo và không thuộc các trường hợp bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỉ luật.

2. Thời gian nghỉ học tạm thời tại điểm d khoản 1 Điều này phải được tính vào thời gian học tập quy định tại khoản 3 Điều 3 Quy chế này.

3. Đơn vị đào tạo quy định cụ thể về điều kiện, thẩm quyền, thủ tục xét nghỉ học tạm thời, tiếp nhận trở lại học tập và cho thôi học; việc bảo lưu và chứng nhận kết quả học tập đã tích lũy đối với học viên xin thôi học.

Điều 29. Chuyển cơ sở đào tạo, chuyển nơi học, chuyển ngành và chuyển hình thức học

1. Học viên được xét chuyển đơn vị, cơ sở đào tạo, chuyển nơi học, chuyển ngành và chuyển hình thức học nếu đáp ứng các yêu cầu sau:

- a) Đạt điều kiện trúng tuyển của chương trình đào tạo của nơi học/ ngành đào tạo/ hình thức đào tạo xin chuyển đến và chương trình xin chuyển đến còn chỉ tiêu đào tạo;
- b) Được sự đồng ý của thủ trưởng đơn vị, cơ sở đào tạo xin chuyển đi và đơn vị, cơ sở đào tạo xin chuyển đến đối với chuyển đơn vị, cơ sở đào tạo; được sự đồng ý của thủ trưởng đơn vị, cơ sở đào tạo đối với trường hợp chuyển nơi học, chuyển ngành và chuyển hình thức học trong cùng một đơn vị, cơ sở đào tạo;

c) Không đang trong thời gian bị kỉ luật từ cảnh cáo trở lên.

2. Việc công nhận kết quả học tập hoặc chuyển đổi tín chỉ đã tích lũy đối với học viên thuộc các trường hợp này bảo đảm quy định tại Điều 4 Quy chế này.

Điều 30. Trao đổi học viên

1. Đơn vị đào tạo được trao đổi học viên với các cơ sở đào tạo trong nước và ngoài nước khi hai cơ sở đào tạo đại học có văn bản cam kết.

a) Đối với các cơ sở đào tạo trong nước: cơ sở đó phải được phép đào tạo trình độ thạc sĩ cùng ngành hoặc các ngành có thể chuyển đổi các tín chỉ.

b) Đối với các cơ sở đào tạo ở nước ngoài: cơ sở này phải được cơ quan có thẩm quyền về giáo dục nước sở tại công nhận về chất lượng, điều kiện được phép đào tạo và cấp bằng trình độ thạc sĩ trong nhóm ngành tương ứng; ưu tiên cơ sở đào tạo uy tín, có xếp thứ hạng cao theo các bảng xếp hạng uy tín trên thế giới và khu vực.

2. Nguyên tắc thực hiện trao đổi học viên:

a) Thủ trưởng hai đơn vị, cơ sở đào tạo đồng ý;

b) Số lượng tín chỉ học viên theo học ở cơ sở đào tạo phối hợp được công nhận không quá 25% tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo mà học viên đang theo học.

Điều 31. Xử lý vi phạm đối với học viên

1. Học viên có gian lận trong thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập sẽ bị xử lý kỉ luật đối với từng học phần đã vi phạm.

2. Học viên thi hộ hoặc nhờ người thi hộ đều bị kỉ luật ở mức đình chỉ học tập 01 năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

3. Học viên sẽ bị buộc thôi học; văn bằng tốt nghiệp nếu đã được cấp sẽ bị thu hồi, hủy bỏ nếu vi phạm một trong các quy định sau:

a) Sử dụng hồ sơ, văn bằng, chứng chỉ giả làm điều kiện trúng tuyển hoặc điều kiện để bảo vệ luận văn, đề án;

b) Sao chép, trích dẫn không đúng quy định trong luận văn, đề án mà nếu cắt bỏ những phần sao chép, trích dẫn đó thì luận văn, đề án không đáp ứng yêu cầu hoặc không được Hội đồng thẩm định thông qua.

CHƯƠNG V. THANH TRA, KIỂM TRA, KHIẾU NẠI,

TỐ CÁO VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 34. Xử lý vi phạm

1. Xử lý vi phạm trong tuyển sinh

Người tham gia công tác tuyển sinh, thí sinh dự thi trong kỳ thi tuyển sinh có hành vi vi phạm quy chế, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.

2. Xử lý vi phạm trong tổ chức, quản lý đào tạo

a) Học viên nếu vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính; bị xử lý kỷ luật theo quy định tại Quy chế này, Quy chế Học sinh, sinh viên các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp chính quy hiện hành.

Đối với các trường hợp: thi hộ hoặc nhờ người khác thi hộ, sử dụng văn bằng, chứng chỉ giả trong hồ sơ tuyển sinh sẽ bị buộc thôi học. Nếu phát hiện sau khi cấp bằng thì thủ trưởng cơ sở đào tạo thu hồi, hủy bỏ bằng thạc sĩ đã cấp đối với người vi phạm;

b) Công chức, viên chức, người lao động tham gia quản lý, giảng dạy, hướng dẫn, đánh giá luận văn tại cơ sở đào tạo nếu vi phạm Quy chế này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị tạm dừng việc giảng dạy, hướng dẫn luận văn, tham gia hội đồng đánh giá luận văn trong thời hạn tối thiểu một năm, bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật hiện hành;

c) Cơ sở đào tạo nếu vi phạm Quy chế này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các trách nhiệm pháp lý khác đã được quy định. Trong trường hợp này, thủ trưởng cơ sở đào tạo và những người trực tiếp vi phạm bị xử lý kỷ luật; người vi phạm gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

3. Thủ trưởng cơ sở đào tạo có trách nhiệm thông báo về việc xử lý vi phạm đối với thí sinh, học viên, cán bộ, giảng viên tới cơ quan, đơn vị hoặc tới địa phương nơi người đó đang làm việc, cư trú. Cơ quan có thẩm quyền xử lý cơ sở đào tạo vi phạm thông báo cho cơ quan chủ quản và thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng.

CHƯƠNG VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 35. Xây dựng và thực hiện quy chế

1. Căn cứ Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT và các quy định pháp luật hiện hành khác có liên quan, Nhà trường đã xây dựng Quy chế này và có trách nhiệm:

a) Thực hiện trách nhiệm trong công tác bảo đảm chất lượng giáo dục theo quy định tại Điều 50 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018);

b) Tăng cường liên chính học thuật; giám sát và kiểm soát việc chống sao chép; xây dựng chế tài, nghiêm túc xử lý khi có vi phạm; bảo đảm tính trung thực của nội dung những đề án và những chuyên đề nghiên cứu khác;

c) Xây dựng chính sách thúc đẩy bình đẳng giới trong đào tạo thạc sĩ nhằm góp phần thực hiện mục tiêu của chiến lược quốc gia về bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

2. Nhà trường tổ chức thực hiện

a) Phổ biến, hướng dẫn cho ứng viên dự tuyển các quy định liên quan đến chính sách tuyển sinh của Trường;

b) Phổ biến, hướng dẫn cho học viên quy chế của Trường và các quy định liên quan đến quá trình học tập, các quy định về nghĩa vụ và quyền lợi của học viên khi bắt đầu khóa học;

c) Kiểm tra, thanh tra việc thực hiện kế hoạch, chương trình, quy chế của Trường và các nhiệm vụ khác liên quan đến tuyển sinh và đào tạo; chịu sự kiểm tra, thanh tra, giám sát của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan có thẩm quyền theo các quy định hiện hành.

Điều 37. Tổ chức thực hiện

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và áp dụng cho các khóa tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường từ năm 2022.

2. Các khóa tuyển sinh trước ngày 15/10/2021 tiếp tục thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành theo Quyết định số 184/QĐ-ĐHSPTDTTHN ngày 07/5/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học sư phạm TDTT Hà Nội.

2. Trong quá trình triển khai và tổ chức thực hiện, nếu có những điều, khoản chưa phù hợp, Quy chế này sẽ được điều chỉnh, sửa đổi và thay thế cho phù hợp. Việc điều chỉnh, sửa đổi Quy chế do Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Thể dục thể thao Hà Nội xem xét và quyết định./.